TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 17/10/2019
V/v:"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Ngọc Huỳnh.

2. Bà: Mó Măng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thúy Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 134/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 06 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS, ngày 20/09/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/2019/QĐST – DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 02 LH, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Võ Đình T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh huyện K, Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334B, GP, Thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T1.

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch E - Ngân hàng N - chi nhánh huyện K (Theo văn bản ủy quyền số: 234/UQ-NHNo-KPK ngày 22 tháng 5 năm 2019).

- Đồng bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Anh Hoàng Minh Ng, sinh năm: 1993 (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Xuân M, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn 16, xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 13A, xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019 và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ngày 26 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch E (Ngân hàng) và bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng ký kết hợp đồng tín dụng số 5200LAV201502154, theo đó bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng vay của ngân hàng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); mục đích vay: đầu tư chăn nuôi. Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 36 tháng, mỗi lần rút vốn hai bên lập giấy nhận nợ ghi rõ mục đích sử dụng vốn. Lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%, thời hạn vay 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 069941, thửa số 59c, bản đồ 07 do UBND huyện K cấp ngày 23/05/2013 cho hộ bà Vũ Thị L, diện tích 550m^2, địa chỉ thửa đất: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5200-138290458 ngày 19 tháng 03 năm 2014 đã ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Phòng giao dịch E và bà Vũ Thị L và anh Hoàng Minh Ng. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được công chứng tại phòng Công chứng H tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/03/2014 và đã được đăng kí thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện K ngày 21/03/2014.

Từ khi vay đến nay bà L, anh Ng chỉ mới trả cho Ngân hàng được 2.933.333đ tiền lãi suất. Vì Vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng phải trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền vay gốc, và khoản lãi suất trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ.

Trong trường hợp bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 15/08/2019, bị đơn bà Vũ Thị L thừa nhận ngày 26/3/2015 bà cùng con trai là anh Hoàng Minh Ng có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nhiệp và phát triển nông thôn huyện K, phòng giao dịch E để vay số tiền 100.000.000 đồng. Về thời hạn, phương thức, lãi suất và tài sản thế chấp đúng như ngân hàng đã trình bày. Đến nay bà chỉ mới trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 2.933.333đ, hiện nay bà còn nợ ngân hàng 100.000.000 đồng tiền gốc và một khoản lãi suất phát sinh theo hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 và điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 471, Điều 474, Điều 468 của Bộ luật dân sự (BLDS) 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Nghị định 83/2010/NĐ- CP ngày 23/07/2010; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp bà L, anh Ng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 471 BLDS năm 2015.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện, bị đơn bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng cư trú tại thôn 13A, xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Xuân M đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và giấy báo tham gia phiên toà nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 26 tháng 3 năm 2015 bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng vay Ngân hàng N - chi nhánh huyện K, phòng giao dịch E số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) là thực tế, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 5200LAV201502154 và sự thừa nhận của bà Vũ Thị L. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%, thời hạn vay 12 tháng. Trong quá trình vay vốn bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng chỉ mới trả cho Ngân hàng 2.933.333đ tiền lãi suất. Hiện nay đã quá hạn nhưng bà L, anh Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà L, anh Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng phải trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc 100.000.000 đồng tiền gốc là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 11%/ năm, lãi suất quá hạn được tính là 16,5%/

năm. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 26/03/2015 đến ngày 26/03/2016 là: 366 ngày x 100.000.000đ x 11%/năm: 365 ngày = 11.030.137 đồng, đã trả trước 2.933.333đ, còn lại 8.096.804 đồng.

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 27/03/2016 đến ngày 17/10/2019 là: 1299 ngày x 100.000.000đ x 16,5%: 365 ngày = 58.721.918 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn phải trả, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 66.818.722 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Như vậy, buộc bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là: 166.818.722 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được UBND huyện K cấp cho hộ bà Vũ Thị L ngày 23/05/2013 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 069941. Khi làm thủ tục thế chấp tài sản các thành viên của Hộ gia đình là anh Hoàng Minh Ng và anh Đỗ Xuân M là con của bà L đã ủy quyền cho bà L thế chấp tài sản để thế chấp vay vốn của Ngân hàng, giấy ủy quyền đã được UBND xã EK xác nhận ngày 03/03/2014. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5200-138290458 ngày 19 tháng 03 năm 2014 đã được công chứng tại đã được công chứng tại phòng Công chứng H tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/03/2014 và đã được đăng kí thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện K ngày 21/03/2014. Xét thấy việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 317, 318, 323 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Sau khi bà L, anh Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà L, anh Ng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng phải chịu 8.341.000 đồng (Tám triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 166.818.722 đồng x 5% = 8.341.000 đ. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.023.576 đồng (Bốn triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 342, 343, 351, 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 166.818.722 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Trong đó tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 66.818.722 đồng.

Kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 069941, thửa số 59c, bản đồ 07 do UBND huyện K cấp ngày 23/05/2013 cho hộ bà Vũ Thị L, diện tích 550 m^2, địa chỉ thửa đất: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 069941, thửa số 59c, bản đồ 07 do UBND huyện K cấp ngày 23/05/2013 cho hộ bà Vũ Thị L, diện tích 550 m^2, địa chỉ thửa đất: Xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Buộc bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng phải chịu 8.341.000 đồng (Tám triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.023.576 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lại thu số AA/2019/0000352 ngày 21/6/2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Vũ Thị L, anh Hoàng Minh Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Xuân M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.